

UBND HUYỆN THẠCH HÀ
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG GIÁO
MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VÒNG 2

(Kèm theo Thông báo số: 19/BC-HĐTD ngày 26/10/2021 của Hội đồng tuyển dụng)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
I	Giáo viên mầm non									
1	MN08	Lê Thị Châu	16/06/1992	Đại học	Giáo dục mầm non	Con BB 2/3	83,0	5	88,0	Trúng tuyển
2	MN56	Bùi Thị Hiền	20/8/1993	Đại học	Giáo dục mầm non	Con TB 4/4	81,0	5	86,0	Trúng tuyển
3	MN35	Nguyễn Thị Hà	6/10/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	84,5		84,5	Trúng tuyển
4	MN141	Trần Ngọc Nhung	29/3/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	83,8		83,8	Trúng tuyển
5	MN136	Lê Thị Hải Nhi	4/6/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	83,5		83,5	Trúng tuyển
6	MN66	Đặng Thị Hoài	09/06/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	83,0		83,0	Trúng tuyển
7	MN80	Từ Thị Huyền	1/3/1990	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	83,0		83,0	Trúng tuyển
8	MN142	Nguyễn Thị Nhung	20/06/1990	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	82,8		82,8	Trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
9	MN199	Nguyễn Thị Thùy Trang	26/7/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	82,5		82,5	Trúng tuyển
10	MN202	Phan Thị Hà Trang	25/4/1997	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	82,5		82,5	Trúng tuyển
11	MN208	Phan Thị Cẩm Tú	10/9/1993	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	82,5		82,5	Trúng tuyển
12	MN11	Dương Thị Diễm	20/01/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	82,3		82,3	Trúng tuyển
13	MN68	Nguyễn Thị Ngọc Hương	16/11/1998	Đại học	Giáo dục mầm non	Con TB 2/4	77,0	5	82,0	Trúng tuyển
14	MN84	Hồ Thị Kiều	20/05/1993	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	82,0		82,0	Trúng tuyển
15	MN90	Nguyễn Thị Lê	14/09/1991	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	81,0		81,0	Trúng tuyển
16	MN178	Dương Thị Hoài Thương	22/5/1991	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	81,0		81,0	Trúng tuyển
17	MN184	Hồ Thị Thúy	25/10/1988	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	80,5		80,5	Trúng tuyển
18	MN106	Nguyễn Thị Luận	18/8/1998	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	80,3		80,3	Trúng tuyển
19	MN55	Hồ Thị Hiền	16/12/1993	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	80,0		80,0	Trúng tuyển
20	MN74	Lê Thị Huyền	9/6/1999	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	80,0		80,0	Trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
21	MN144	Hồ Khánh Nhung	16/5/1994	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	80,0		80,0	Trúng tuyển
22	MN143	Nguyễn Thị Hồng Nhung	07/03/1993	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	79,8		79,8	Trúng tuyển
23	MN120	Lê Thị Nga	2/3/1994	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	79,5		79,5	Trúng tuyển
24	MN94	Nguyễn Thị Liên	25/02/1993	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	79,0		79,0	Trúng tuyển
25	MN95	Hồ Thị Linh	5/11/1992	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	79,0		79,0	Trúng tuyển
26	MN96	Trương Thị Linh	5/6/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	79,0		79,0	Trúng tuyển
27	MN139	Nguyễn Thị Nhung	28/4/1998	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	79,0		79,0	Trúng tuyển
28	MN151	Nguyễn Thị Phúc	23/9/1994	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	79,0		79,0	Trúng tuyển
29	MN216	Nguyễn Hồng Vinh	24/7/1995	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	79,0		79,0	Trúng tuyển
30	MN145	Phan Thị Hồng Nhung	5/8/1995	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	78,5		78,5	Trúng tuyển
31	MN174	Lê Thị Thu Thìn	3/3/1990	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	78,5		78,5	Trúng tuyển
32	MN187	Ngô Thị Thùy	30/09/1993	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	78,5		78,5	Trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
33	MN189	Võ Thị Thủy	12/10/1991	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	78,5		78,5	Trúng tuyển
34	MN209	Lê Thị Thanh Tuyên	19/9/1990	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	78,3		78,3	Trúng tuyển
35	MN124	Nguyễn Thị Nga	13/05/1993	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	78,0		78,0	Trúng tuyển
36	MN212	Nguyễn Thị Vân	12/5/1995	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	78,0		78,0	Trúng tuyển
37	MN26	Trần Thị Hà	5/12/1995	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	77,5		77,5	Trúng tuyển
38	MN59	Trần Thị Hiếu	20/12/1990	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	77,5		77,5	Trúng tuyển
39	MN102	Nguyễn Thị Hồng Linh	20/9/1990	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	77,5		77,5	Trúng tuyển
40	MN118	Bùi Thị Mỹ	1/11/1993	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	77,5		77,5	Trúng tuyển
41	MN149	Trương Thị Oanh	24/04/1993	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	77,5		77,5	Trúng tuyển
42	MN213	Chu Thị Vân	27/3/1993	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	77,5		77,5	Trúng tuyển
43	MN225	Nguyễn Thị Yên	6/5/1992	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	77,5		77,5	Trúng tuyển
44	MN04	Hồ Thị Anh	14/03/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	77,0		77,0	Trúng tuyển
45	MN214	Nguyễn Thị Vân	28/6/1991	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	77,0		77,0	Trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
46	MN111	Thân Thị Mai	12/2/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	75,0		75,0	Không trúng tuyển
47	MN138	Nguyễn Thị Quỳnh Như	19/4/1995	Đại học	Giáo dục mầm non	Con BB 2/3	68,8	5	73,8	Không trúng tuyển
48	MN211	Lê Thị Tuyết	8/6/1986	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	70,5		70,5	Không trúng tuyển
49	MN48	Phan Thị Hạnh	02/01/1989	Đại học	Giáo dục mầm non	Con BB 2/3	65,0	5	70,0	Không trúng tuyển
50	MN37	Trần Việt Hà	7/7/1994	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	69,0		69,0	Không trúng tuyển
51	MN36	Đặng Thị Hà	19/10/1984	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	68,8		68,8	Không trúng tuyển
52	MN114	Phạm Thị Mai	7/3/1991	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	63,5	5	68,5	Không trúng tuyển
53	MN42	Nguyễn Thị Hằng	12/8/1999	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	68,3		68,3	Không trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
54	MN127	Trương Thị Thúy Nga	29/5/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	68,0		68,0	Không trúng tuyển
55	MN98	Nguyễn Thị Linh	03/11/1994	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	67,5		67,5	Không trúng tuyển
56	MN210	Mai Thị Tuyết	22/4/1992	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	66,5		66,5	Không trúng tuyển
57	MN123	Nguyễn Thị Nga	30/12/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	66,0		66,0	Không trúng tuyển
58	MN195	Bùi Thị Trâm	12/01/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	66,0		66,0	Không trúng tuyển
59	MN41	Trần Thị Hằng	7/6/1990	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	65,3		65,3	Không trúng tuyển
60	MN137	Trương Thị Nhiên	13/12/1994	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	65,0		65,0	Không trúng tuyển
61	MN116	Nguyễn Thị Mùi	26/6/1991	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Con BB	59,0	5	64,0	Không trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
62	MN176	Dương Thị Thơ	26/7/1987	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	63,0		63,0	Không trúng tuyển
63	MN14	Nguyễn Thị Hồng Diên	11/12/1992	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	61,0		61,0	Không trúng tuyển
64	MN89	Thái Thị Lê	13/12/1993	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	60,5		60,5	Không trúng tuyển
65	MN147	Dương Thị Oanh	13/5/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	60,5		60,5	Không trúng tuyển
66	MN158	Nguyễn Thị Phương	16/10/1993	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	60,5		60,5	Không trúng tuyển
67	MN200	Trần Thị Trang	15/10/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	60,5		60,5	Không trúng tuyển
68	MN171	Trần Thị Thi	12/02/1994	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	60,0		60,0	Không trúng tuyển
69	MN54	Trần Thị Thu Hiền	5/12/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	58,5		58,5	Không trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
70	MN01	Cao Thị Thúy An	10/1/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	57,5		57,5	Không trúng tuyển
71	MN196	Nguyễn Thị Huyền Trang	19/10/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	56,5		56,5	Không trúng tuyển
72	MN207	Nguyễn Thị Thu Trang	2/6/1994	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	56,5		56,5	Không trúng tuyển
73	MN132	Võ Thị Quỳnh Nghĩa	9/12/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	56,0		56,0	Không trúng tuyển
74	MN153	Dương Thị Huệ Phương	27/7/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	55,5		55,5	Không trúng tuyển
75	MN05	Đặng Thị Bình	8/9/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	55,0		55,0	Không trúng tuyển
76	MN148	Nguyễn Thị Oanh	24/11/1993	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	54,5		54,5	Không trúng tuyển
77	MN215	Lê Thị Vân	10/11/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	54,5		54,5	Không trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
78	MN12	Đặng Thị Thúy Diễm	11/1/1995	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	53,5		53,5	Không trúng tuyển
79	MN126	Nguyễn Thị Mai Nga	6/10/1992	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	53,5		53,5	Không trúng tuyển
80	MN162	Trần Thị Quế	20/12/1989	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	53,5		53,5	Không trúng tuyển
81	MN100	Nguyễn Thị Linh	16/8/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	53,0		53,0	Không trúng tuyển
82	MN201	Phan Thị Trang	10/10/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	52,8		52,8	Không trúng tuyển
83	MN180	Nguyễn Thị Thương	6/3/1998	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	52,5		52,5	Không trúng tuyển
84	MN61	Nguyễn Thị Hoa	02/08/1991	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	52,0		52,0	Không trúng tuyển
85	MN103	Nguyễn Thị Loan	2/4/1993	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	52,0		52,0	Không trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
86	MN152	Trần Thị Phương	2/11/1994	CĐ	Giáo dục mầm non	Không	51,8		51,8	Không trúng tuyển
87	MN135	Đinh Thị Tuyết Nhi	28/5/1997	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	51,5		51,5	Không trúng tuyển
88	MN155	Trần Thị Mai Phương	22/10/1998	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	51,5		51,5	Không trúng tuyển
89	MN52	Nguyễn Thị Hạnh	1/6/1993	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	50,5		50,5	Không trúng tuyển
90	MN177	Hồ Thị Thu	18/12/1991	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	50,5		50,5	Không trúng tuyển
91	MN223	Hoàng Thị Yến	18/12/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	50,5		50,5	Không trúng tuyển
92	MN27	Phan Thị Hà	10/01/1998	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	50,0		50,0	Không trúng tuyển
93	MN157	Võ Thị Phương	14/7/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	50,0		50,0	Không trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
94	MN134	Phan Thị Nhâm	7/9/1992	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	49,5		49,5	Không trúng tuyển
95	MN06	Trần Thị Cẩm	10/10/1998	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	48,5		48,5	Không trúng tuyển
96	MN113	Nguyễn Thị Mai	19/06/1998	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	48,5		48,5	Không trúng tuyển
97	MN194	Nguyễn Thị Hương Trà	03/09/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	48,5		48,5	Không trúng tuyển
98	MN165	Nguyễn Thị Tân	20/03/1991	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	48,0		48,0	Không trúng tuyển
99	MN206	Nguyễn Quỳnh Trang	18/6/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	46,5		46,5	Không trúng tuyển
100	MN07	Hà Thị Cẩm	28/3/1991	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	46,3		46,3	Không trúng tuyển
101	MN10	Bùi Thị Chung	13/11/1997	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	46,0		46,0	Không trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
102	MN60	Trần Thị Hoa	4/5/1987	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	45,3		45,3	Không trúng tuyển
103	MN104	Nguyễn Thị Loan	10/10/1983	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	44,5		44,5	Không trúng tuyển
104	MN65	Phan Thị Hoài	17/7/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	44,3		44,3	Không trúng tuyển
105	MN57	Nguyễn Thị Thu Hiền	20/10/1994	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	43,8		43,8	Không trúng tuyển
106	MN03	Nguyễn Thị Vân Anh	19/7/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	43,5		43,5	Không trúng tuyển
107	MN105	Nguyễn Thị Loan	7/8/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	43,5		43,5	Không trúng tuyển
108	MN159	Nguyễn Thị Phương	11/3/1998	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	43,5		43,5	Không trúng tuyển
109	MN62	Lê Thị Hòa	15/7/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	41,8		41,8	Không trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
110	MN170	Dương Thị Thảo	11/1/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	41,5		41,5	Không trúng tuyển
111	MN53	Nguyễn Thị Hiền	02/7/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	40,5		40,5	Không trúng tuyển
112	MN224	Nguyễn Thị Yên	4/5/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	40,5		40,5	Không trúng tuyển
113	MN85	Bùi Thị Thế Kỷ	19/1/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	40,0		40,0	Không trúng tuyển
114	MN193	Phạm Thị Tịnh	31/01/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	40,0		40,0	Không trúng tuyển
115	MN82	Bùi Thị Huyền	22/2/1995	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	39,3		39,3	Không trúng tuyển
116	MN175	Nguyễn Thị Thơ	15/5/1992	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	36,8		36,8	Không trúng tuyển
117	MN125	Vũ Thị Nga	2/4/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	36,5		36,5	Không trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
118	MN167	Nguyễn Thị Thắm	3/5/1993	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	36,5		36,5	Không trúng tuyển
119	MN154	Bạch Thị Phương	18/6/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	36,0		36,0	Không trúng tuyển
120	MN22	Nguyễn Thị Giang	5/11/1993	Đại học	Giáo dục mầm non	Con TB 4/4	29,0		29,0	Không trúng tuyển
121	MN156	Trần Thị Bích Phương	12/04/1991	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	34,0		34,0	Không trúng tuyển
122	MN43	Trần Thị Hằng	22/9/1995	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	33,5		33,5	Không trúng tuyển
123	MN25	Ngô Thị Giang	12/10/1994	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	32,5		32,5	Không trúng tuyển
124	MN117	Nguyễn Thị Mỹ	20/10/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	32,0		32,0	Không trúng tuyển
125	MN146	Nguyễn Thị Nhung	13/7/2000	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	31,5		31,5	Không trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
126	MN44	Nguyễn Thị Hằng	20/11/1993	Đại học	Giáo dục mầm non	Con BB 2/3	25,5		25,5	Không trúng tuyển
127	MN86	Hồ Thị Lan	28/4/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	30,5		30,5	Không trúng tuyển
128	MN109	Trần Thị Lý	01/05/1998	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	30,5		30,5	Không trúng tuyển
129	MN108	Nguyễn Thị Lý	19/2/1983	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	29,5		29,5	Không trúng tuyển
130	MN73	Hoàng Thị Khánh Huyền	8/2/1995	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	29,0		29,0	Không trúng tuyển
131	MN191	Đặng Thị Thủy	7/9/1990	Đại học	Giáo dục mầm non	Con TB 4/4	24,0		24,0	Không trúng tuyển
132	MN164	Vũ Thị Như Quỳnh	20/4/1993	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	28,5		28,5	Không trúng tuyển
133	MN46	Phan Thị Hằng	8/8/1997	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	26,0		26,0	Không trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
134	MN78	Nguyễn Thị Khánh Huyền	12/05/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Con TB	20,5		20,5	Không trúng tuyển
135	MN222	Nguyễn Thị Yên	15/6/1990	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	24,5		24,5	Không trúng tuyển
136	MN169	Nguyễn Thị Thanh	13/2/1995	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	23,5		23,5	Không trúng tuyển
137	MN81	Thân Thị Thanh Huyền	10/10/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	22,5		22,5	Không trúng tuyển
138	MN72	Trần Thị Hường	10/2/1992	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	22,0		22,0	Không trúng tuyển
139	MN107	Nguyễn Thị Lý	17/11/1990	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	22,0		22,0	Không trúng tuyển
140	MN76	Hoàng Thị Huyền	19/6/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	20,8		20,8	Không trúng tuyển
141	MN21	Nguyễn Thị Duyên	10/02/1993	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	19,5		19,5	Không trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
142	MN51	Nguyễn Thị Thu Hạnh	10/10/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	19,0		19,0	Không trúng tuyển
143	MN45	Phan Thị Hằng	28/7/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	18,5		18,5	Không trúng tuyển
144	MN101	Võ Thị Thùy Linh	23/12/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	18,0		18,0	Không trúng tuyển
145	MN24	Nguyễn Thị Trà Giang	21/10/1996	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	17,5		17,5	Không trúng tuyển
146	MN50	Phan Thị Hạnh	25/1/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	15,5		15,5	Không trúng tuyển
147	MN88	Nguyễn Thị Hoa Lê	1/10/1994	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	15,5		15,5	Không trúng tuyển
148	MN23	Dương Thị Trà Giang	28/01/1993	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	14,5		14,5	Không trúng tuyển
149	MN122	Cao Thị Nga	30/06/1986	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	12,3		12,3	Không trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
150	MN67	Nguyễn Thị Hợp	10/9/1991	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	10,5		10,5	Không trúng tuyển
151	MN19	Hồ Thị Duyên	9/1/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	10,0		10,0	Không trúng tuyển
152	MN20	Nguyễn Thị Duyên	26/09/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	10,0		10,0	Không trúng tuyển
153	MN87	Nguyễn Thị Lan	20/6/1998	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	0		0	Không trúng tuyển
154	MN204	Phan Thị Trang	22/06/1994	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	0		0	Không trúng tuyển
155	MN217	Trần Thị Vinh	10/10/1983	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	0		0	Không trúng tuyển
156	MN02	Nguyễn Thị Ngọc Anh	20/1/1998	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
157	MN09	Nguyễn Thị Kim Chi	'10/9/1992	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
158	MN13	Võ Thị Diên	05/6/1991	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
159	MN15	Hồ Thanh Dung	4/1/1993	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
160	MN16	Phan Thị Thùy Dung	22/6/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
161	MN17	Nguyễn Thị Dương	26/10/1995	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
162	MN18	Lê Thị Mỹ Duyên	18/4/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
163	MN28	Trần Thị Hà	16/6/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
164	MN29	Nguyễn Thị Hà	18/10/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
165	MN30	Nguyễn Thị Hà	04/11/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
166	MN31	Phạm Thị Hà	4/6/1995	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
167	MN32	Trần Thị Hà	10/3/1995	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
168	MN33	Trần Thị Hà	19/11/1983	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
169	MN34	Thái Thị Thu Hà	11/7/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
170	MN38	Dương Thị Hải	26/3/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
171	MN39	Đặng Thị Hải	11/4/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
172	MN40	Nguyễn Thị Hằng	26/2/1998	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
173	MN47	Trần Thị Hạnh	01/07/1994	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
174	MN49	Thân Thị Hạnh	10/2/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
175	MN58	Nguyễn Thị Hiếu	8/7/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
176	MN63	Hồ Thị Hòa	08/08/1992	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
177	MN64	Trần Thị Hòa	13/07/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
178	MN69	Lương Thị Hương	5/11/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
179	MN70	Lê Thị Lan Hương	19/12/1989	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
180	MN71	Võ Thị Hường	10/4/1997	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
181	MN75	Phạm Thị Huyền	14/2/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
182	MN77	Nguyễn Thị Huyền	20/05/1986	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
183	MN79	Lê Thị Huyền	28/08/1993	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
184	MN83	Trịnh Thị Huyền	14/4/1995	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
185	MN91	Phan Thị Lệ	08/08/1995	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
186	MN92	Hồ Thị Lệ	13/5/1998	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
187	MN93	Lê Thị Lệ	20/3/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
188	MN97	Trương Thị Nhật Linh	18/12/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
189	MN99	Lê Thị Diệu Linh	07/02/1997	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
190	MN110	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	12/11/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
191	MN112	Phạm Thị Mai	14/5/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Con BB 3/4	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
192	MN115	Đinh Thị Sao Mai	3/9/1993	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
193	MN119	Trần Thị Tố Nga	24/7/1995	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
194	MN121	Hoàng Thị Tuyết Nga	19/10/1998	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
195	MN128	Nguyễn Thị Ngân	2/5/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
196	MN129	Trần Thị Thúy Ngân	17/5/1995	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
197	MN130	Trần Thị Ngân	20/6/1994	Đại học	Giáo dục mầm non	Con TB	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
198	MN131	Nguyễn Thị Ngân	11/11/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Con TB 4/4	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
199	MN133	Bùi Hồ Bảo Ngọc	26/4/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Con TB 4/4	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
200	MN140	Đinh Thị Nhung	10/1/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
201	MN150	Lê Thị Oanh	30/8/1995	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
202	MN160	Phan Thị Phương	25/8/1994	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
203	MN161	Trần Thị Phượng	13/6/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
204	MN163	Lê Thị Quý	20/8/1992	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
205	MN166	Nguyễn Thị Thái	25/1/1995	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
206	MN168	Lê Thị Thắm	24/12/1995	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
207	MN172	Nguyễn Thị Thi	2/6/1994	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
208	MN173	Bùi Thị Thiên	3/2/1992	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
209	MN179	Nguyễn Thị Thương	23/11/1995	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
210	MN181	Phạm Thị Phương Thúy	10/5/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
211	MN182	Lê Thị Thúy	16/11/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
212	MN183	Nguyễn Thị Lệ Thúy	25/2/1996	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
213	MN185	Trần Thị Thúy	22/4/1998	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
214	MN186	Trương Thị Thúy	10/8/1995	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
215	MN188	Nguyễn Thị Thanh Thủy	30/6/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
216	MN190	Từ Thị Thủy	10/10/1994	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
217	MN192	Phan Thị Thủy	16/9/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
218	MN197	Nguyễn Thị Trang	16/11/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
219	MN198	Dương Thị Huyền Trang	05/8/1998	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
220	MN203	Lưu Thị Trang	20/6/1998	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
221	MN205	Nguyễn Thị Hà Trang	22/06/1995	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
222	MN218	Võ Thị Vy	26/12/1994	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
223	MN219	Đặng Thị Xoan	10/11/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Con BB 2/3	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
224	MN220	Nguyễn Thị Xuân	2/10/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
225	MN221	Nguyễn Thị Xuân	15/10/1987	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
II	Giáo viên thể dục tiểu học									
1	TD01	Nguyễn Đình Anh	3/5/1989	Đại học	Sư phạm thể chất, GDQP	Con TB 2/4	92,0	5	97,0	Trúng tuyển
2	TD18	Nguyễn Hữu Vọ	19/4/1991	Đại học	SP thể dục thể thao	Không	86,5		86,5	Trúng tuyển
3	TD06	Lưu Văn Hoàng	10/2/1989	Đại học	Giáo dục thể chất	Không	85,5		85,5	Trúng tuyển
4	TD09	Đào Thị Liêm	2/4/1989	Đại học	SP thể dục thể thao	Không	83,0		83,0	Trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
5	TD02	Nguyễn Đình Cường	3/10/1989	Thạc sỹ	Giáo dục thể chất	Không	76,5		76,5	Trúng tuyển
6	TD16	Trần Thị Thu Thủy	20/02/1991	Đại học	Giáo dục thể chất	Không	76,5		76,5	Trúng tuyển
7	TD12	Đặng Hồ Phương	20/2/1995	Đại học	Giáo dục thể chất	Không	72,0		72,0	Trúng tuyển
8	TD17	Nguyễn Thị Hồng Vinh	23/7/1992	Đại học	Giáo dục thể chất	Không	69,0		69,0	Trúng tuyển
9	TD03	Phan Thị Hằng	20/7/1993	Đại học	Giáo dục thể chất	Không	62,5		62,5	Không trúng tuyển
10	TD11	Nguyễn Thị Nguyệt	14/4/1988	Đại học	Giáo dục thể chất, GDQP	Không	59,0		59,0	Không trúng tuyển
11	TD08	Nguyễn Văn Hùng	20/01/1985	Đại học	Giáo dục thể chất, GDQP	Không	47,0		47,0	Không trúng tuyển
12	TD13	Nguyễn Viết Sang	07/03/1997	Đại học	Giáo dục thể chất	Không	34,0		34,0	Không trúng tuyển
13	TD14	Lê Văn Sơn	22/6/1990	Đại học	Giáo dục thể chất, GDQP	Không	33,0		33,0	Không trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
14	TD04	Lê Thị Hiền	14/06/1990	Đại học	Giáo dục thể chất	Không	8,5		8,5	Không trúng tuyển
15	TD05	Dương Thị Hiền	25/10/1997	Đại học	Giáo dục thể chất	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
16	TD07	Đào Duy Hoàng	27/3/1994	Đại học	Giáo dục thể chất	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
17	TD10	Trần Lê Liêu	20/4/1987	Đại học	Giáo dục thể chất	Con TB 1/4	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
18	TD15	Trần Thị Thơ	20/6/1992	Đại học	Giáo dục thể chất, GDQP	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
III	Giáo viên văn hóa tiểu học									
1	VH51	Đoàn Thị Tuyết	4/1/1989	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	92,5		92,5	Trúng tuyển
2	VH01	Phạm Thị Lan Anh	14/8/1998	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	92,0		92,0	Trúng tuyển
3	VH06	Trần Thị Cảnh	2/1/1997	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	90,0		90,0	Trúng tuyển
4	VH26	Lê Thị Ngọc Lành	8/2/1999	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	88,5		88,5	Trúng tuyển
5	VH35	Trần Thị Sang	10/10/1991	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	84,0		84,0	Trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
6	VH17	Nguyễn Thị Hảo	07/10/1999	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	83,5		83,5	Trúng tuyển
7	VH07	Đinh Thị Châu	28/9/1995	Đại học	Giáo dục tiểu học	Dân tộc sách	77,5	5	82,5	Trúng tuyển
8	VH18	Trần Thúy Hiền	26/7/1992	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	82,0		82,0	Trúng tuyển
9	VH39	Đinh Minh Thao	11/12/1992	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	80,5		80,5	Trúng tuyển
10	VH53	Bùi Thị Yên	5/2/1986	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	80,0		80,0	Trúng tuyển
11	VH21	Nguyễn Thị Hoài	20/6/1999	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	75,0		75,0	Trúng tuyển
12	VH43	Nguyễn Thị Thủy	12/12/1985	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	75,0		75,0	Trúng tuyển
13	VH34	Nguyễn Thị Phụng	20/7/1988	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	74,0		74,0	Trúng tuyển
14	VH28	Bùi Thị Hoài Mơ	12/4/1996	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	72,5		72,5	Trúng tuyển
15	VH32	Phan Thị Hồng Nhung	16/02/1999	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	70,0		70,0	Trúng tuyển
16	VH27	Nguyễn Thị Mến	15/1/1999	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	69,5		69,5	Trúng tuyển
17	VH42	Nguyễn Hoài Thương	03/01/1999	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	69,0		69,0	Trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
18	VH46	Nguyễn Thùy Trang	14/11/1998	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	69,0		69,0	Trúng tuyển
19	VH52	Đinh Thị Tuyết	10/1/1999	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	68,0		68,0	Trúng tuyển
20	VH31	Nguyễn Thị Yên Nhi	26/10/1998	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	67,5		67,5	Trúng tuyển
21	VH48	Trần Thị Thu Trang	12/12/1998	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	67,5		67,5	Trúng tuyển
22	VH09	Đinh Thị Lệ Dung	3/4/1998	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	65,0		65,0	Trúng tuyển
23	VH12	Nguyễn Thị Hà	7/4/1994	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	65,0		65,0	Trúng tuyển
24	VH23	Thái Thị Ngọc Huyền	2/6/1997	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	65,0		65,0	Trúng tuyển
25	VH15	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	25/4/1993	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	63,0		63,0	Trúng tuyển
26	VH19	Đinh Thị Thu Hiền	19/12/1999	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	62,5		62,5	Trúng tuyển
27	VH29	Lê Xuân Mỹ	23/2/1999	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	60,5		60,5	Trúng tuyển
28	VH54	Dương Thị Yến	10/9/1993	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	60,5		60,5	Trúng tuyển
29	VH02	Trần Thị Ngọc Anh	27/1/1998	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	60,0		60,0	Trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
30	VH20	Phan Thị Hoài	26/08/1994	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	59,5		59,5	Trúng tuyển
31	VH30	Đinh Thị Thủy Nga	8/4/1994	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	59,5		59,5	Trúng tuyển
32	VH41	Đậu Thị Thu	17/7/1997	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	59,0		59,0	Trúng tuyển
33	VH45	Nguyễn Thị Thanh Trà	5/3/1997	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	58,0		58,0	Trúng tuyển
34	VH22	Hoàng Thị Huệ	20/05/1992	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	57,0		57,0	Trúng tuyển
35	VH05	Bùi Thị Cẩm	17/9/1997	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	53,5		53,5	Trúng tuyển
36	VH33	Đinh Thị Lệ Oanh	24/1/1994	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	53,5		53,5	Trúng tuyển
37	VH11	Nguyễn Tiến Giang	20/4/1983	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	50,0		50,0	Trúng tuyển
38	VH10	Đinh Thị Mỹ Giang	20/6/1991	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	46,5		46,5	Không trúng tuyển
39	VH03	Cao Thị Bé	3/1/1993	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	35,0		35,0	Không trúng tuyển
40	VH04	Trần Thị Cẩm	25/8/1989	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
41	VH08	Cao Thị Chi	20/2/1999	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
42	VH13	Nguyễn Thị Việt Hà	16/12/1995	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
43	VH14	Từ Thị Nguyệt Hà	28/2/1999	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
44	VH16	Nguyễn Thị Hào	20/11/1997	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
45	VH24	Cao Thị Khuyên	26/6/1998	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
46	VH25	Đoàn Thị Lành	2/1/1991	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
47	VH36	Trần Thị Thanh Sương	15/8/1990	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
48	VH37	Lê Thị Thái	20/6/1997	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
49	VH38	Trương Văn Thắng	15/9/1997	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
50	VH40	Đinh Thị Hoa Thơm	15/4/1997	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
51	VH44	Hoàng Thị Thúy Tình	12/12/1997	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
52	VH47	Đinh Thị Huyền Trang	22/1/1998	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Kết quả
				Trình độ	Chuyên ngành					
53	VH49	Lê Thị Hà Trang	20/10/1995	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
54	VH50	Đinh Anh Tuấn	30/7/1994	Đại học	Giáo dục tiểu học	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
IV	Giáo viên ngữ văn THCS									
1	NV04	Hoàng Thanh Tùng	5/8/1980	Thạc sỹ	SP Ngữ văn	Không	90,0		90,0	Trúng tuyển
2	NV06	Dương Thị Vinh	14/11/1991	Đại học	SP Ngữ văn	Con TB 4/4	52,5	5	57,5	Không trúng tuyển
3	NV02	Nguyễn Thị Phụng	6/1/1988	Đại học	SP Ngữ văn	Không	49,0		49,0	Không trúng tuyển
4	NV03	Lương Thị Thanh Thủy	18/2/1980	Đại học	SP Ngữ văn	Không	31,5		31,5	Không trúng tuyển
5	NV01	Trần Thị Thanh Loan	3/8/1991	Đại học	Su phạm Ngữ văn	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi
6	NV05	Trần Thị Vân	20/2/1997	Đại học	SP Ngữ văn	Không	Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG